

Bản án số: 59/2024/HS-ST

Ngày: 20/09/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dữ và ông Trần Văn Nghi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2024/TLST-HS ngày 09/08/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 06/09/2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn S, sinh năm 1990. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Nam Định. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Bố đẻ: Nguyễn Phạm Văn S1, sinh năm: 1964. Mẹ đẻ: Trần Thị Q, sinh năm 1970. Hiện bố, mẹ làm ruộng và trú tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ nhất.

Vợ: Trần Thị Y, sinh năm 1995. Hiện đang kinh doanh và trú tại xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2023 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thị Y, sinh năm 1995. Tên gọi khác: không. Giới tính: Nữ. Nơi sinh: Huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh

Bố đẻ: Trần Văn T, sinh năm: 1968. Mẹ đẻ: Trịnh Thị N, sinh năm 1973. Hiện bố, mẹ là lao động tự do và trú tại xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ hai.

Chồng: Phạm Văn S, sinh năm 1990. Hiện đang kinh doanh và trú tại xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2023 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
3. Bà Trương Thị T2, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.
4. Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số F, tổ A, K, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
5. Anh Nguyễn Minh V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.
6. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn T, huyện P, thành phố Hà Nội.
7. Ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1958. Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội.
8. Chị Lê Hoàng Như P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số D, khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.
9. Anh Châu Công S2, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
10. Anh Nguyễn Đức T4, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.
11. Anh Đào Văn T5, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng.
12. Anh Nguyễn Phúc H1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số I, ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.
13. Anh Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.
14. Anh Trần Thành T6, sinh năm 1982. Địa chỉ: Phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh.
15. Anh Nguyễn Ngọc T7, sinh năm 1987. Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.
16. Chị Lê Thị T8, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.
17. Chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.
18. Anh Lê Ngọc S3, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

19. Anh **Ngô Văn L**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **Thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**.

20. Ông **Vũ Như S4**, sinh năm 1968. Địa chỉ: **Số A ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai**.

21. Anh **Vũ Trường S5**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **Khu D, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh**.

22. Anh **Phạm Thanh C**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang**.

23. Anh **Hà Văn Q1**, sinh năm 1983. Địa chỉ: **Thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội**.

24. **Hồ Ngọc X**, sinh năm 1995. Địa chỉ: **Thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội**.

25. Anh **Nguyễn Văn H3**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Thôn P, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình**.

26. Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1980. Địa chỉ: **Thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình**.

27. Chị **Đỗ Thị Tố L1**, sinh năm 1989. Địa chỉ: **Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**.

28. Bà **Vũ Thị N1**, sinh năm 1968. Địa chỉ: **Phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

29. Chị **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **Xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình**.

*(Có mặt tại phiên tòa ông **Trần Văn T**; những người còn lại đều vắng mặt tại phiên tòa).*

- Người làm chứng:

1. Anh **Trần Cao N2**, sinh năm 1984.

2. Anh **Nguyễn Hữu K1**, sinh năm 1996.

3. Chị **Lại Thị N3**, sinh năm 1985.

4. Chị **Trần Thị Nhật L2**, sinh năm 2002.

5. Chị **Nguyễn Thị T9**, sinh năm 1989.

6. Anh **Nguyễn Trọng H4**, sinh năm 1980.

7. Anh **Lê Đình C1**, sinh năm 1983.

8. Ông **Nguyễn Ngọc T10**, sinh năm 1969.

9. Anh **Đỗ Văn T11**, sinh năm 1990.

10. **Lê Anh T12**, sinh năm 1982.

11. **Lê Chính T13**, sinh năm 1992.

12. Chị **Nguyễn Thị Nhã P1**, sinh năm 1984.

13. Chị **Nguyễn Thị Vân A1**, sinh năm 1992.

14. **Trịnh Thị L3**, sinh năm 1986.

15. Anh **Nguyễn Văn C2**, sinh năm 1991.

16. Anh **Bùi Văn P2**, sinh năm 1992.

17. Anh **Đặng Trọng M1**, sinh năm 1994.

18. Chị Đặng Thị V2, sinh năm 1993.
19. Chị Giáp Thị H5, sinh năm 1988.
20. Anh Lã Văn T14, sinh năm 1970.
21. Chị Mai Thị L4, sinh năm 1988.
22. Đào Thanh T15, sinh năm 1981.
23. Lê Xuân H6, sinh năm 1981.
24. Chị Nguyễn Thị H7, sinh năm 1995.
25. Anh Vũ Văn N4, sinh năm 1991.
26. Ông Vũ Ngọc C3, sinh năm 1968.
27. Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1991.
28. Anh Nguyễn Văn T16, sinh năm 1989.
29. Anh Đào Văn H8, sinh năm 1993.
30. Chị Trương Thị Kim C4, sinh năm 1987.
31. Ông Kiều Văn T17, sinh năm 1967.
32. Chị Trương Thị T18, sinh năm 1974.
33. Anh Vũ Tuấn D1, sinh năm 1993.
34. Chị Phạm Thị H9, sinh năm 1980.
35. Mai Khắc M2, sinh năm 1990.
36. Chị Bùi Thị L5, sinh năm 1982.
37. Bà Phạm Thị H10, sinh năm 1966.
38. Chị Trịnh Thị T19, sinh năm 1985.
39. Anh Nguyễn Văn T20, sinh năm 1981.
40. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.
41. Lê Công T21, sinh năm 1986.
42. Chị Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1987.
43. Chị Phạm Thị Thu H11, sinh năm 1983.
44. Nguyễn Anh H12, sinh năm 1997.
45. Anh Đỗ Đăng H13, sinh năm 1979.
46. Chị Dương Thị Thu H14, sinh năm 1995.
47. Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1983.
48. Anh Nguyễn Đức H15, sinh năm 1995.
49. Chị Phạm Thị M3, sinh năm 1988.
50. Anh Nguyễn Đình T22, sinh năm 1991.
51. Chị Trần Thị A2, sinh năm 1990.
52. Anh Dương Văn H16, sinh năm 1983.
53. Chị Phạm Thị T23, sinh năm 1995.
54. Anh Nguyễn Thái T24, sinh năm 1984.
55. Chị Lại Thị T25, sinh năm 1991.
56. Anh Đỗ Đức D2, sinh năm 1987.
57. Chị Đặng Thị P3, sinh năm 1995.
58. Anh Trần Nhật M4, sinh năm 1990.
59. Anh Nguyễn Văn T26, sinh năm 1995.

60. Anh Phạm Quang T27, sinh năm 1986.
61. Anh Đỗ Quang H17, sinh năm 1997.
62. Chị Lê Thị L6, sinh năm 1986.
63. Anh Nguyễn Văn N5, sinh năm 1988.
64. Anh Vũ Tuấn A3, sinh năm 1997
65. Chị Nguyễn Thị Nguyệt N6, sinh năm 1985.
66. Chị Hoàng Thị Thu H18, sinh năm 1992.
67. Đỗ Công N7, sinh năm 1979.
68. Lâm Chí Q2, sinh năm 2003.
69. Chị Lê Thị T28, sinh năm 1975.
70. Anh Nguyễn Bá K2, sinh năm 1997.
71. Anh Nguyễn Ngọc Q3, sinh năm 1998.
72. Anh Vũ Văn Đ2, sinh năm 1985.
73. Nguyễn Văn T20, sinh năm 1981.
74. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987.
75. Anh Dương Văn H19, sinh năm 1987.
76. Vũ Thư Đ3, sinh năm 1991.
77. Anh Bùi Tiến D3, sinh năm 1985.
78. Anh Lê Đình N8, sinh năm 1988.
79. Anh Trần Văn H20, sinh năm 1982.
80. Chị Đặng Thị Hồng N9, sinh năm 1988.
81. Anh Mai Duy Q4, sinh năm 1987.
82. Bà Phạm Thị H10, sinh năm 1966.
83. Chị Thắm Thị H21, sinh năm 1989
84. Anh Nguyễn Đức Đ4, sinh năm 1987.
85. Anh Lã Văn T29, sinh năm 1977.
86. Anh Chu Hồng P4, sinh năm 1999.
87. Chị Phạm Thị T30, sinh năm 1987.
88. Anh Lê Minh N10, sinh năm 1987.
89. Anh Dương Thanh B, sinh năm 1996.
90. Anh Lê Nhã T31, sinh năm 1996.
91. Anh Nguyễn Đức T32, sinh năm 1990.
92. Anh Trần Đức K3, sinh năm 1990.
93. Anh Trần Văn C5, sinh năm 1979.
94. Ông Nguyễn Văn M5, sinh năm 1967.
95. Anh Nguyễn Xuân Đ5, sinh năm 1984.
96. Chị Đỗ Thị T33, sinh năm 1995.
97. Anh Trần Văn T34, sinh năm 1993.
98. Chị Trần Thị Vân A4, sinh năm 1988.
99. Chị Trịnh Thị N11, sinh năm 1976

(Có mặt tại phiên tòa chị Trần Thị Nhật L2; Những người còn lại đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2023, Chi cục Chăn nuôi và Thú y Ninh Bình phối hợp với phòng An ninh kinh tế, Công an tỉnh Ninh Bình tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với Công ty A6. Quá trình kiểm tra phát hiện 11 (Mười một) mặt hàng nghi là thuốc thú y, được đóng vào các chai, lọ với các dung tích và thể tích khác nhau, toàn bộ tem, nhãn, mác được ghi hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài (không có tem nhãn, phụ đề tiếng Việt). Tại thời điểm kiểm tra Trần Thị Y, (Giám đốc công ty A6) không xuất trình được các giấy tờ có liên quan đến hàng hóa nêu trên. Đoàn kiểm tra đã tạm giữ và niêm phong tổng số 101 (Một trăm linh một) thùng cattong đựng sản phẩm. Ngay sau khi kiểm tra, Chi cục chăn nuôi và thú y Ninh Bình ra Công văn số 512/CNTY-ĐKTQĐ509 chuyển vụ việc nêu trên cùng tài liệu, hàng hóa thu giữ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Phạm Văn S, sinh năm 1990 trú tại xóm H, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình và vợ là Trần Thị Y tự thành lập hộ kinh doanh gia đình vào năm 2020 lấy tên là “Đại lý phân phối thiết bị thú y S Y”, địa chỉ: xóm I, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhưng không đăng ký kinh doanh, để buôn bán dụng cụ dùng trong chăn nuôi, thú y.

Đến đầu năm 2021, Phạm Văn S và Trần Thị Y thuê đất trang trại chăn nuôi của 04 (bốn) hộ dân để sử dụng vào mục đích chăn nuôi gia súc, gia cầm; diện tích thuê tại nơi cư trú của các hộ cho thuê cụ thể như sau: Hộ anh Trần Văn K4, (là em họ của Trần Thị Y) với tổng diện tích chuồng trại và công trình phụ là 18.000m² tại địa chỉ của anh K4, thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày 01/3/2021; Hộ ông Trần Văn T (là bố đẻ của Trần Thị Y) với tổng diện tích chuồng trại và công trình phụ là 36.000m², thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày 01/01/2021; Hộ bà Trịnh Thị N11 (là dì của Trần Thị Y) với tổng diện tích chuồng trại và công trình phụ là 19.800m², thời hạn thuê là 10 năm kể từ ngày 01/3/2021; Thuê của hộ ông Trần Văn C5 (là chú của Trần Thị Y) 02 trang trại với diện tích với tổng diện tích chuồng trại và công trình phụ lần lượt là 12.960m² và 26.280m², trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01/02/2021.

Quá trình chăn nuôi tại các trang trại nêu trên, vì có nhu cầu sử dụng thuốc thú y trong điều trị bệnh cho vật nuôi nên Phạm Văn S đã sử dụng tiền chung của hai vợ chồng để mua sản phẩm thuốc thú y bằng hình thức sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook của mình có tên “S Y” (hiện tài khoản này đã bị xóa) để liên hệ với các tài khoản, các nhóm trên ứng dụng facebook (hiện tài khoản và nhóm không xác định) để tìm và đặt mua thuốc thú y điều trị các bệnh: Rút mủ, viêm

gan, bệnh hoại tử nách; phòng và chữa bệnh bại huyết, điều trị bệnh phân xanh, phân trắng của vịt.

Phạm Văn S đã mua và sử dụng 04 (bốn) loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y được xác định chưa được cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam gồm các sản phẩm sau:

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6)”, gồm 02 loại, được S quy ước tên thường gọi là: “Kháng thể rút mỏ Sinder L500(V); Rút mỏ Sinder nắp vắn Gosling 250ml; Rút mỏ Sinder nắp vắn loại mới 250ml” và “Kháng thể rút mỏ Sinder L1000”.

- Sản phẩm: “Duck Riemerella A, I (T, strain RAf63+Type 2, Strain RAf34) của nhà sản xuất S6 (C6)”, được S quy ước tên thường gọi là: “Bại huyết WOHUA BIOLOGY liều 1000 lấp Xanh hoặc E.COLI Bại huyết WOHUABIOLOGY liều 1000 nắp xanh”.

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất Tianjin R - Technology Co.,Ltd (China)”, được S quy ước tên thường gọi là: Kháng thể A7 (Rút mỏ + V)).

- Sản phẩm: “Antibody against D5 1 của nhà sản xuất Titanjin R - Technology Co.,Ltd (China)”, được S quy ước tên thường gọi là: “Rút mỏ, viêm gan, vòng tròn RINGPU”.

Sau khi mua được thuốc, S và Y đã nhờ anh Trần Văn T1 (anh trai Y) thực hiện việc điều trị cho vật nuôi. Quá trình sử dụng, S nhận thấy việc điều trị bệnh cho vật nuôi đạt hiệu quả cao, giá thành thấp hơn so với các sản phẩm có công dụng tương tự được bán trên thị trường nên S nảy sinh ý định buôn bán để thu lợi nhuận.

S đã bàn bạc với Y về việc dựa vào thông tin khách hàng của “Đại lý phân phối thiết bị thú y S Y” để buôn bán các sản phẩm nêu trên thì Y đồng ý. Sau đó S sử dụng tài khoản Facebook tên “S Y” tìm kiếm trong các hội, nhóm hoạt động liên quan đến lĩnh vực thuốc thú y và chăn nuôi thú y để quảng cáo các sản phẩm nêu trên.

Quá trình buôn bán dụng cụ thú y, S và Y tiếp thị, giới thiệu trực tiếp cho khách hàng hoặc thông qua điện thoại, ứng dụng Facebook, Zalo trong các hội nhóm liên quan đến lĩnh vực thú y đối với các sản phẩm thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học nêu trên. Nếu khách hàng liên hệ, hỏi mua các sản phẩm trên thì S và Y tự tạo nội dung hóa đơn bán hàng (do S tải mẫu trên mạng internet và thao tác trên máy vi tính) rồi chụp ảnh hóa đơn và gửi cho khách hàng thông qua ứng dụng Messenger và Z để thỏa thuận giao dịch.

Khi khách hàng xác nhận giao dịch thì S trực tiếp đóng gói sản phẩm rồi vận chuyển trực tiếp hoặc gửi qua xe khách đến địa điểm cung cấp để giao cho khách hàng. Khách hàng sẽ thanh toán trực tiếp cho người giao hàng hoặc bằng hình thức chuyển khoản đến các tài khoản **ngân hàng A8** số 3309205207439, tài khoản **ngân hàng V3** số 108872772130 của **Phạm Văn S**; tài khoản **ngân hàng M6** số 860993997999 của **Trần Thị Y** hoặc qua tài khoản **ngân hàng V4** số 9935518555 của chị **Trần Thị Kim A** (là nhân viên của S). Đối với khách hàng không xác nhận giao dịch hoặc không nhận hàng hoàn trả thì S giữ nguyên thông tin hình ảnh hóa đơn trên dữ liệu máy vi tính để lưu trữ và phục vụ cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị và buôn bán sản phẩm. Cả hai thực hiện hoạt động quảng cáo và tiếp thị dựa trên thông tin khách hàng được lưu trữ trong dữ liệu máy vi tính tại các thư mục có tên: “Sổ chi tiết bán hàng”, “sổ vật tư hàng hóa”, “sổ công nợ” do S và Y tự tạo.

Ngày 08/6/2022, **Phạm Văn S**, **Trần Thị Y** và ông **Trần Văn T**, sinh năm 1968, trú tại **xóm H, xã C, huyện K** (là bố đẻ Y) góp vốn và thành lập **công ty cổ phần A6** (gọi tắt là **Công ty A6**), mã số thuế: 2700944085, đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần tại **Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N**, địa chỉ trụ sở tại **xóm I, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình** do **Trần Thị Y** là Tổng giám đốc, ngành nghề kinh doanh là: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Sau khi thành lập công ty, Y và S đã thống nhất Y phụ trách hoạt động kinh doanh vật tư, trang thiết bị dùng trong chăn nuôi thú y của **Công ty A6**; S tiếp tục phụ trách hoạt động chăn nuôi tại các trang trại và buôn bán thuốc thú y nêu trên. Lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh đều do Y quản lý. Do là vợ chồng nên cả hai không hoạch toán, thống kê và sử dụng lợi nhuận thu được cho việc sinh hoạt và kinh doanh của gia đình. Đến tháng 3/2023 khi **Công ty A6** do các bị cáo thành lập bị xử phạt hành chính do buôn bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam thì S biết những loại thuốc trên chưa được cấp phép lưu hành tại Việt Nam nhưng vẫn tiếp tục kinh doanh các mặt hàng này.

Ngày 20/4/2023, anh **Trần Văn T1** và **Phạm Văn S** đăng ký thành lập **Công ty TNHH C7** (gọi tắt là **công ty C7**), địa chỉ: **Số F, đường N, đường E, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội**; mã số doanh nghiệp: 0110328717 do anh **T1** là Giám đốc. Quá trình kinh doanh, anh **T1** phụ trách chuyên môn kỹ thuật, S phụ trách hoạt động kinh doanh, buôn bán hàng hóa của **Công ty C7**. S đã lợi dụng thông tin của khách hàng của **Công ty C7**, **Công ty A6** và đại lý “S Y” để chào bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học.

Bằng hình thức buôn bán nêu trên, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, S và Y đã bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam cho 26 khách hàng gồm:

1. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, khoảng tháng 8/2021, **Phạm Văn S** liên hệ, tiếp thị với bà **Trương Thị T2**, sinh năm 1961 (là chủ **Cửa hàng T35**), có địa chỉ tại: **thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam** để bán một số loại thuốc dùng trong thú y chưa được cấp phép lưu hành tại Việt Nam. Bà **T2** đồng ý mua hàng của S. Trong thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 5/2023, **S** đã bán cho bà **T2** những sản phẩm cụ thể như sau:

- Từ ngày 17/8/2021 đến ngày 15/9/2022 S bán 2880 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V); Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml; Rút mủ Sinder nắp vắn loại mới 250ml”. Đến ngày 29/4/2023, S tiếp tục bán 120 lọ sản phẩm trên.

- Ngày 31/5/2022, S bán 39 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Kháng thể rút mủ Sinder L1000”.

- Trong các ngày 17/6/2022 và 13/7/2022, S bán 75 chai sản phẩm có tên thường gọi: “Kháng thể **A7** (Rút mủ + Viêm Gan)”.

- Từ ngày 17/8/2021 đến ngày 27/11/2022, S bán 70 chai sản phẩm có tên thường gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU”. Đến ngày 07/5/2023, S tiếp tục bán 50 chai sản phẩm trên.

- Từ ngày 29/8/2021 đến 19/12/2022, S bán 440 lọ sản phẩm có tên thường gọi: “Bại huyết WOHUA BIOLORY liều 1000 lấp Xanh hoặc E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh”.

Quá trình giao dịch, bà **T2** thanh toán trực tiếp cho người giao hàng hoặc chuyển khoản từ tài khoản **ngân hàng V3** của bà **T2** đến các tài khoản ngân hàng của **Phạm Văn S**.

2. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, **Phạm Văn S** liên hệ, tiếp thị với anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 2001, trú tại: **Số F, tổ A, K, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** để bán sản phẩm thuốc thú y. Ngày 05/5/2023 **S** đã bán 40 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ **Sinder L(V)** cho anh **H**. Sau đó S đóng gói và gửi sản phẩm theo xe khách đến địa chỉ do anh **H** cung cấp.

Khi nhận sản phẩm, anh **H** thanh toán tiền bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản **ngân hàng M6** số 0353634747 của mình cho S qua tài khoản **ngân hàng V5** số 9935518555 của chị **Trần Thị Kim A**. Sau đó **S** đã nhận đủ số tiền thanh toán của anh **H**.

3. Ngày 07/7/2023, **Phạm Văn S** tiếp thị và bán 40 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Rút mủ Sinder nắp vắn loại mới 250ml” cho anh **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1990, hiện trú tại: **ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ** thông qua mạng xã hội. Sau khi thỏa thuận, **S** đã trực tiếp đóng gói sản phẩm và chuyển sản phẩm cho anh **V** qua xe khách vận chuyển. Quá trình giao dịch, anh **V** đã thanh

toán đủ số tiền mua sản phẩm cho S thông qua nhà xe.

4. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1984, trú tại thôn T, huyện P, thành phố Hà Nội liên hệ với Phạm Văn S. S tiếp thị sản phẩm thuốc thú y chưa được cấp phép lưu hành tại Việt Nam. Sau đó S đã bán cho anh T3 những sản phẩm cụ thể như sau:

- Từ ngày 07/9/2022 đến ngày 19/11/2022, S bán 90 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L1000”.

- Ngày 09/10/2022, S bán 30 lọ sản phẩm có tên thường gọi: Kháng thể A7 (Rút mủ + Viêm Gan).

Quá trình giao dịch, anh T3 đã thanh toán tiền cho người giao hàng và chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng A8 số 2213205009912 của mình đến tài khoản ngân hàng của S. Sau đó S đã nhận đủ số tiền do anh T3 thanh toán.

5. Thông qua ứng dụng Facebook, ông Nguyễn Anh M, sinh năm 1958, trú tại: thôn T, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội đã liên hệ với “Đại lý S Y1”. Vào ngày 08/8/2022, S đã bán cho ông M 60 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V)” và 90 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L1000”.

Sau khi nhận sản phẩm từ xe khách vận chuyển, ông M đã chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng M6 số 6888388888 của mình cho S. S đã nhận đủ số tiền mua hàng do ông M chuyển.

6. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, khoảng tháng 6/2022, Phạm Văn S liên hệ, tiếp thị với chị Lê Hoàng Như P, sinh năm 1979, trú tại: số D, khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre để chào bán một số loại thuốc thú y. S đã bán cho chị P các sản phẩm cụ thể như sau:

- Từ ngày 20/6/2022 đến ngày 25/8/2022, S bán 160 lọ sản phẩm có tên thường gọi: Kháng thể A7 (Rút mủ + Viêm Gan).

- Từ ngày 18/7/2022 đến ngày 05/12/2022, S bán 210 lọ sản phẩm có tên thường gọi: “E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh”.

- Ngày 18/7/2022, S bán 40 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V)”.

Quá trình giao dịch, chị P đã thanh toán tiền cho người giao hàng và chuyển khoản từ số tài khoản ngân hàng B1 của mình đến số tài khoản của S. S đã nhận đủ số tiền thanh toán của chị P.

7. Do tìm kiếm trên mạng xã hội nên anh Châu Công S2, sinh năm 1995, trú tại: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã liên hệ với đại lý thuốc thú y S Y1 để mua các loại thuốc thú y.

Trong ngày 15/02/2023, S đã bán cho anh S2 60 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Rút mủ Sinder nắp vắn loại mới 250ml”. Đến ngày 17/4/2023, S tiếp

tục bán cho anh S2 15 lọ sản phẩm có tên thương gọi: “E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh”. Sau khi nhận sản phẩm, anh S2 đã thanh toán tiền trực tiếp cho người vận chuyển. Sau đó S đã nhận đủ số tiền thanh toán của anh S2.

8. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, ngày 06/7/2023 anh Nguyễn Đức T4, sinh năm 1990, trú tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị lên mạng xã hội Facebook để tìm kiếm và liên hệ mua của Phạm Văn S 30 lọ sản phẩm có tên thương gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L1000” và 15 lọ sản phẩm có tên thương gọi là: “Rút mủ sinder nắp vắn Gosling 250ml”. Sau khi nhận được sản phẩm thông qua xe khách, anh T4 đã thanh toán tiền cho người vận chuyển. Sau đó S đã nhận đủ số tiền thanh toán của anh T4.

9. Thông qua việc tìm kiếm trên mạng xã hội Facebook, anh Đào Văn T5, sinh năm 1996, trú tại thôn N, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng hỏi mua của đại lý S Yến các sản phẩm thuốc thú y. Trong các ngày 09/8/2022, 19/10/2022 và ngày 07/5/2023, S đã bán cho anh T5 tổng số 150 lọ sản phẩm có tên thương gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)”. Đến ngày 07/5/2023, S tiếp tục bán cho anh T5 20 lọ sản phẩm có tên thương gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU”. Quá trình giao dịch, anh T5 đã thanh toán tiền mua sản phẩm cho S thông qua hình thức chuyển khoản. S đã nhận đủ số tiền thanh toán của anh T5.

10. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, anh Nguyễn Phúc H1, sinh năm 1978, trú tại số I, ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre đã lên mạng xã hội Facebook để tìm và đặt mua thuốc thú y của đại lý S Y1. Ngày 16/11/2022, S đã tiếp thị và bán 20 lọ sản phẩm có tên thương gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU” cho anh H1. Quá trình giao dịch, anh H1 đã thanh toán tiền cho người vận chuyển. Sau đó S đã nhận đủ số tiền thanh toán của anh H1.

11. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y để chữa trị cho gia súc, gia cầm, anh Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu sử dụng mạng xã hội để tìm kiếm và đặt mua thuốc thú y. Vào ngày 26/4/2023, S đã tiếp thị và bán 20 lọ sản phẩm có tên thương gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU” cho anh H2. Quá trình giao dịch, anh H2 đã thanh toán tiền cho người giao hàng. Sau đó S đã nhận đủ số tiền do anh H2 thanh toán.

12. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, anh Trần Thành T6, sinh năm 1982, trú tại phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh đã sử dụng tài khoản Zalo có tên “Trung Tran” nhắn tin hỏi tư vấn cách phòng và điều trị bệnh của vật nuôi. Sau đó ngày 02/8/2022 S đã tiếp thị và bán 05 lọ sản phẩm có tên thương gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)” cho anh T6. Quá trình giao dịch, anh T6 đã thanh toán tiền mua sản phẩm cho người giao hàng. Sau đó S đã nhận đủ số tiền do anh T6 thanh toán.

13. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, Phạm Văn S đã liên hệ tiếp thị với anh Nguyễn Ngọc T7, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng thông qua tài khoản Facebook có tên “S Y1” thì anh T7 đồng ý mua hàng của S. Ngày 06/7/2022 S đã bán cho anh T7 100 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Kháng thể A7 (Rút mủ + Viêm Gan)”. Ngày 13/9/2022, S tiếp tục bán cho anh T7 50 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)”. Quá trình giao dịch, S đóng gói sản phẩm và gửi xe khách đến địa chỉ do anh T7 cung cấp. Sau khi nhận sản phẩm, anh T7 sử dụng tài khoản ngân hàng V6 số 109867607952 của mình chuyển khoản cho S. S đã nhận đủ số tiền thanh toán của anh T7.

14. Thông qua việc giao dịch, tư vấn trên mạng xã hội, chị Lê Thị T8, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã liên hệ với Phạm Văn S. Ngày 04/4/2023 S đã tiếp thị và bán 60 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)” và 40 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU”. Quá trình giao dịch, chị T8 đã thanh toán số tiền mua sản phẩm trên cho người vận chuyển. Sau đó S đã nhận đủ số tiền do chị T8 thanh toán.

15. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước nên Phạm Văn S đã tiếp thị và liên hệ với chị Nguyễn Thị V1, sinh năm 1982, trú tại tổ dân phố T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng để bán một số loại thuốc dùng trong thú y chưa được cấp phép lưu hành tại Việt Nam. Trong thời gian từ ngày 27/7/2022 đến ngày 25/10/2022, S đã bán cho chị V1 180 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V)”. Ngày 17/5/2023, S bán 100 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Kháng thể A7 (Rút mủ + Viêm Gan)”. Từ ngày 17/8/2021 đến ngày 17/5/2023 S bán cho chị V1 500 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU”.

Quá trình giao dịch, chị V1 đã sử dụng tài khoản ngân hàng B1 số 6460384808 của mình chuyển khoản thanh toán đến các tài khoản của Phạm Văn S và Trần Thị Kim A. S đã nhận đủ số tiền thanh toán đối với các sản phẩm do chị V1 đặt mua.

16. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, Phạm Văn S đã tiếp thị và liên hệ với anh Lê Ngọc S3, sinh năm 1985, trú tại thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa để tiếp thị một số loại thuốc dùng trong thú y chưa được cấp phép lưu hành tại Việt Nam. Vào ngày 07/3/2023, S đã bán cho anh S3 60 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)”. Quá trình giao dịch, anh S3 đã sử dụng tài khoản ngân hàng A8 số 3521205200858 của mình chuyển khoản tiền mua sản phẩm cho S. S đã nhận đủ số tiền do anh S3 thanh toán.

17. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, anh Ngô Văn L, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã lên mạng xã hội Facebook tìm kiếm

và liên hệ với **S**. Ngày 03/7/2023, **S** đã tiếp thị và bán cho anh **L** 40 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)”. Quá trình giao dịch, anh **L** đã thanh toán tiền cho người giao sản phẩm. Sau đó **S** đã nhận đủ số tiền do anh **L** thanh toán.

18. Thông qua việc tìm kiếm trên các trang mạng xã hội, ông **Vũ Như S4**, sinh năm 1968, trú tại **số A ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai** đã liên hệ với đại lý **S Y1**. Trong các ngày 17/01/2023 và ngày 18/7/2023, **S** đã tiếp thị và bán cho ông **S4** 280 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)”, “Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml” và 95 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L1000”. Quá trình giao dịch, ông **S4** đã thanh toán số tiền mua sản phẩm nêu trên cho người giao sản phẩm. Sau đó **S** đã nhận đủ số tiền do ông **S4** thanh toán.

19. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, anh **Vũ Trường S5**, sinh năm 1989, trú tại **Khu D, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh** sử dụng mạng xã hội Facebook tìm kiếm, liên hệ với **đại lý S7**. Ngày 27/01/2022 **S** đã tiếp thị và bán cho anh **S5** 60 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)”. Quá trình giao dịch, anh **S5** thanh toán trực tiếp cho người giao sản phẩm. Sau đó **S** đã nhận đủ số tiền do anh **S5** thanh toán.

20. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, anh **Phạm Thanh C**, sinh năm 1983, trú tại **thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang** đã sử dụng mạng xã hội Facebook tìm kiếm và liên hệ và giao dịch. Ngày 02/3/2023 **S** đã tiếp thị và bán cho anh **C** 10 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)” và 06 lọ sản phẩm có tên thường gọi: “E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh”. Quá trình giao dịch, anh **C** đã thanh toán số tiền cho người giao hàng. **S** đã nhận đủ tiền do anh **C** thanh toán.

21. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, anh **Hà Văn Q1**, sinh năm 1983, trú tại **thôn A, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội** đã thông qua mạng xã hội để liên hệ với **Phạm Văn S**. Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 04/7/2023 **S** đã tiếp thị và bán cho anh **Q1** 20 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500 (V)”, “Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml” và 40 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: Kháng thể **A7** (Rút mủ + Viêm Gan). Quá trình giao dịch, anh **Q1** đã thanh toán tiền cho người giao hàng. Sau đó **S** đã nhận đủ tiền do anh **Q1** thanh toán.

22. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, ngày 17/10/2022, **Phạm Văn S** đã tiếp thị và bán cho anh **Hồ Ngọc X**, sinh năm 1995, trú tại **thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội** 20 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L1000”. Quá trình giao dịch, anh **X** đã thanh toán tiền mua sản phẩm nêu trên thông qua hình thức chuyển khoản. **S** đã nhận đủ tiền do anh **X** thanh toán.

23. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, **Phạm Văn S** đã tiếp thị với anh

Nguyễn Văn H3, sinh năm 1984, trú tại **thôn P, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình** để bán một số loại thuốc thú y. Sau đó **S** đã bán cho anh **H3** các sản phẩm cụ thể như sau:

- Từ ngày 15/7/2022 đến ngày 16/6/2023, S bán 160 lọ sản phẩm có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V)”.

- Ngày 15/7/2022, S bán 10 lọ sản phẩm có tên thường gọi: “E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh”;

- Từ ngày 02/02/2023 đến ngày 12/7/2023, S bán 180 lọ sản phẩm có tên thường gọi: Kháng thể **A7** (Rút mủ + Viêm Gan).

Quá trình giao dịch, anh **H3** chuyển khoản từ tài khoản **ngân hàng A8** số 3406205256624 của mình đến tài khoản **ngân hàng M6** của **Trần Thị Y**. **Y** và **S** đã nhận đủ số tiền do anh **H3** thanh toán.

24. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1980, trú tại **thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình** thông qua mạng xã hội để liên hệ với **Phạm Văn S**. Ngày 14/7/2023 **S** đã tiếp thị và bán cho bà **K** 20 lọ sản phẩm có tên thường gọi: “Kháng thể **A7** (Rút mủ + Viêm Gan)”. Quá trình giao hàng, bà **K** đã thanh toán tiền trực tiếp cho **S**, **S** đã nhận đủ tiền do bà **K** thanh toán.

25. Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, **Phạm Văn S** đã liên hệ, tiếp thị với chị **Đỗ Thị Tổ L1**, sinh năm 1989, trú tại **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** để bán một số loại thuốc thú y. Ngày 04/7/2022, **S** đã bán cho chị **L1** 10 lọ sản phẩm có tên thường gọi: “E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh”. Ngày 30/5/2023, S bán 40 lọ sản phẩm có tên thường gọi: “Kháng thể **A7** (Rút mủ + Viêm Gan)” và ngày 03/7/2023 tiếp tục bán 40 lọ sản phẩm này. Quá trình giao dịch, chị **L1** chuyển khoản thanh toán. S đã nhận đủ tiền do chị **L1** thanh toán.

26. Do có nhu cầu sử dụng thuốc thú y, bà **Vũ Thị N1**, sinh năm 1968, trú tại 88/6/16, KP9, **phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** liên hệ thông qua mạng xã hội Facebook đến tài khoản của **Công ty TNHH C7** do S phụ trách kinh doanh. Ngày 18/5/2023 **S** đã tiếp thị và bán cho bà **N1** 02 lọ sản phẩm có tên thường gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU”. Quá trình giao dịch, bà **N1** đã thanh toán tiền cho người giao hàng. Sau đó **S** đã nhận đủ số tiền do bà **N1** thanh toán.

Ngoài ra ngày 03/8/2023, tại kho hàng của **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** tại **xóm H, xã C, huyện K**. **Chi cục Chăn nuôi và Thú y NINH BÌNH** phối hợp với phòng An ninh kinh tế, **Công an tỉnh N** kiểm tra, phát hiện S và Y đang cất trữ 240 lọ sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của **nhà sản xuất S6 (C6)**”, được quy ước tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V); Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml; Rút mủ Sinder nắp vắn loại mới 250ml” sử dụng vào mục đích buôn bán.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 8/2023, **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** đã bán cho 26 khách hàng với tổng số lượng sản phẩm cụ thể như

sau:

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6)”, gồm 02 (hai) loại, được S quy ước tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V); Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml; Rút mủ Sinder nắp vắn loại mới 250ml” với số lượng: 4.570 (Bốn nghìn năm trăm bảy mươi lọ, trong đó có 240 lọ thu giữ ngày 03/8/2023 sử dụng vào mục đích buôn bán).

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6)”, gồm 02 (hai) loại, được S quy ước tên thường gọi là: “ Kháng thể rút mủ Sinder L1000” với số lượng: 364 (Ba trăm sáu mươi tư) lọ;

- Sản phẩm: “Duck Riemerella A, I (T, strain RAf63+Type 2, Strain RAf34) của nhà sản xuất S6 (C6)”, được S quy ước tên thường gọi là: “Bại huyết WOHUA BIOLORY liều 1000 lấp Xanh hoặc E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh” với số lượng: 691 (sáu trăm chín mươi một) lọ;

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất Tianjin R - Technology Co.,Ltd (China)”, được S quy ước tên thường gọi là: Kháng thể A7 (Rút mủ + Viêm Gan)) với số lượng: 785 (bảy trăm tám mươi lăm) lọ;

- Sản phẩm: “Antibody against D5 1 của nhà sản xuất Titanjin R -Technology Co.,Ltd (China)”, được S quy ước tên thường gọi là: “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU” với số lượng: 722 (Bảy trăm hai mươi hai) lọ.

Tại Công văn số 1577/TY-QLT ngày 31/8/2023 của Cục thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định:

“1. Theo nội dung hình ảnh, bản dịch công dụng trên nhãn của các sản phẩm do Quý đơn vị cung cấp, các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam, bao gồm:

a) Sản phẩm số 1: Duck R, I (T, strain RAf63+Type 2, Strain RAf34) của nhà sản xuất S6 (C6).

b) Sản phẩm số 2: Antibody against D5 của nhà sản xuất Titanjin R -T (China).

c) Sản phẩm số 3: Gosling P của nhà sản xuất Tianjin R - T (China).

d) Sản phẩm số 4: Gosling P của nhà sản xuất S6 (C6).

đ) Sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China)”.

2. Là những sản phẩm gồm các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam được xác định là của Phạm Văn S, Trần Thị Y buôn bán với bà Trương Thị T2 như đã nêu trên.”

Ngày 17/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra Công văn số 525/CV-ĐTTH đề nghị Cục thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác minh

thông tin thuốc thú y đối với các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y bị thu giữ ngày 03/8/2023 tại Công ty A6. Ngày 12/9/2023, Cục thú y thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra Công văn số 1657/TY-QLT về việc cung cấp thông tin thuốc thú y xác định:

“1. Theo nội dung hình ảnh, bản dịch công dụng trên nhãn của các sản phẩm do Quý đơn vị cung cấp, các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam, bao gồm:

a) Ký hiệu A1: sản phẩm Sterile Diluent For Poultry's Vaccine, Live của nhà sản xuất Ringpu (Baoding) Biological Pharmaceutical Co.,Ltd (China)..

b) Ký hiệu B1: sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6).

c) Ký hiệu D1: sản phẩm Dung môi pha vắc xin của nhà sản xuất S6 (C6).

d) Ký hiệu E1: sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China).

đ) Ký hiệu G: sản phẩm Ceftriaxone Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China).

e) Ký hiệu H1: Sản phẩm Vaccine Diluent của nhà sản xuất S6 (C6).

2. Ký hiệu C1 và ký hiệu F: sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên Cục thú y chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh.

3. Ký hiệu I1: sản phẩm Benkocid của nhà sản xuất Công ty Cổ phần T37 là thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi đã được Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam.

4. Ký hiệu K1: sản phẩm Permasol-500 của nhà sản xuất S6 (K5) là thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam. Tuy nhiên, khi Cục thú y kiểm tra thông tin sản phẩm với nhà đăng ký lưu hành tại Việt Nam và nhận được phản hồi sản phẩm trên không đúng với nhãn sản phẩm công ty đăng ký”.

Ngày 22/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra Công văn số 433/CV-ĐTTH đề nghị Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình cung cấp thông tin đối với các sản phẩm thu giữ ngày 03/8/2023 (ký hiệu C1, F, K1) được Cục thú ý xác định là “không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên Cục thú y chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh” và “sản phẩm đã được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam nhưng không đúng với nhãn sản phẩm công ty đăng ký”. Ngày 25/4/2024, Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình ra Công văn số 240/QLTTNB-TTPC xác định: Chưa có thông tin lưu hành đối với các sản phẩm thuốc thú y có ký hiệu: C1, F, K1 lưu thông trên thị trường.

Ngày 14/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 228/YC-ĐTTH yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K định giá tài sản gồm: 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L500 (V),

Rút mủ SINDER Nắp vắn loại mới 250ml); 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L1000) thời điểm ngày 03 tháng 8 năm 2023.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KLĐG ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: “01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (Tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L500(V), Rút mủ SINDER nắp vắn loại mới 250ml) có giá: 75.000 đồng; 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (Tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L1000(V)) có giá: 134.000 đồng. Vậy: Giá trị thiệt hại tài sản theo yêu cầu số 228/YC-ĐTTH ngày 14/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình là: 209.000 đồng”.

Ngày 08/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Yêu cầu định giá tài sản số 423/YC-ĐTTH, Yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K định giá tài sản gồm:

- 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L500 (V), Rút mủ SINDER Nắp vắn loại mới 250ml; Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml) thời điểm từ năm 2021 đến năm 2023.

- 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L1000) thời điểm từ năm 2022 đến năm 2023.

- 01 lọ sản phẩm Duck Riemerella A, I (T, strain RAf63+Type 2, Strain RAf34) của nhà sản xuất S6 (C6); (tên thường gọi: Bại huyết WOHUA BIOLORY liều 1000 lắp Xanh hoặc E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh), thời điểm từ năm 2021 đến năm 2023.

- 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất T38 - T (China). (tên thường gọi: Kháng thể A7 (Rút mủ + Viêm Gan) từ thời điểm từ năm 2022 đến năm 2023.

- 01 lọ sản phẩm Antibody against D5 1 của nhà sản xuất S6 (China); (tên thường gọi: Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU) từ thời điểm từ năm 2021 đến năm 2023.

Tại bản Kết luận định giá số 11/KLĐG ngày 24/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: “01 lọ sản phẩm Duck Riemerella A, I (T, strain RAf63+Type 2, Strain RAf34) của nhà sản xuất S6 (C6); (tên thường gọi: Bại huyết WOHUA BIOLORY liều 1000 lắp Xanh hoặc E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh) có giá: 113.000 đồng; 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà S - T (China). (tên thường gọi: Kháng thể A7 (Rút mủ + Viêm Gan) có giá: 87.000 đồng; 01 lọ sản phẩm Antibody against D5 1 của nhà sản xuất S6 (China); (tên thường gọi: Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU) có giá: 87.000 đồng; 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L500 (V), Rút mủ SINDER Nắp vắn loại mới 250ml; Rút mủ Sinder nắp vắn

Gosling 250ml) có giá: 79.000 đồng; 01 lọ sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6) (tên thường gọi: Kháng thể rút mủ SINDER L1000) có giá: 134.000 đồng. Vậy: Giá trị thiệt hại theo yêu cầu số 423/YC-ĐTTH ngày 08/4/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình là: 500.000 đồng.

Như vậy, trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, Phạm Văn S và Trần Thị Y vì mục đích lợi nhuận đã buôn bán và tàng trữ để buôn bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y được xác định chưa được cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam với số lượng và giá trị từng loại sản phẩm cụ thể như sau:

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6)”, có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V); Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml; Rút mủ Sinder nắp vắn loại mới 250ml” với tổng số lượng: 4570 lọ, giá trị: 348.550.000 đồng (gồm 2.880 lọ bán cho đại lý T39 và 240 lọ cất trữ tại kho hàng với giá trị 75.000 đồng/1 lọ; 1.450 lọ bán cho các cá nhân khác với giá trị 79.000 đồng/1 lọ).

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6)”, có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L1000” với tổng số lượng: 364 lọ, giá trị: 48.776.000 đồng.

- Sản phẩm: “Duck Riemerella A, I (T, strain RAf63+Type 2, Strain RAf34) của nhà sản xuất S6 (C6)” có tên thường gọi: “Bại huyết WOHUA BIOLORY liều 1000 lấp Xanh hoặc E.COLI Bại huyết WOHUABIOLORY liều 1000 nắp xanh” với tổng số lượng: 691 lọ, Giá trị: 78.083.000 đồng.

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất Tianjin R - T (China)” có tên thường gọi: Kháng thể Andeno Max R (Rút mủ + Viêm Gan) với tổng số lượng: 785 lọ. Giá trị: 68.295.000 đồng.

- Sản phẩm: “Antibody against D5 1 của nhà sản xuất Titanjin R - Technology Co.,Ltd (China)” có tên thường gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU” với tổng số lượng: 722 lọ. Giá trị: 62.814.000 đồng.

Tổng giá trị hàng hóa là các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam mà Phạm Văn S và Trần Thị Y buôn bán là: 606.518.000 đồng.

Quá trình điều tra thu giữ của Phạm Văn S và Trần Thị Y các vật chứng gồm: 101 thùng Cattong chứa các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y cụ thể:

- + 32 thùng, ký hiệu từ A₁ đến A₃₂ là sản phẩm S8, Live của nhà sản xuất S6 (B) Biological Pharmaceutical C (C6);

- + 04 thùng ký hiệu từ B₁ đến B₄ là sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6);

- + 04 thùng ký hiệu từ C₁ đến C₄ là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên Cục thú y chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh;

+ 15 thùng ký hiệu từ D₁ đến D₁₅ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của nhà sản xuất S6 (C6).;

+ 10 thùng ký hiệu từ E₁ đến E₁₀ sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China);

+ 01 thùng ký hiệu G là sản phẩm Ceftriaxone Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China);

+ 04 thùng ký hiệu từ H₁ đến H₄ là Sản phẩm Vaccine Diluent của nhà sản xuất S6 (C6);

+ 07 thùng ký hiệu từ I₁ đến I₇ là sản phẩm Benkocid của nhà sản xuất Công ty Cổ phần T37 là thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi đã được Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam;

+ 02 hộp ký hiệu F là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên Cục thú y chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh;

+ 04 thùng ký hiệu từ K₁ đến K₄ là sản phẩm Permasol-500 của nhà sản xuất S6 (K5) là thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam. Tuy nhiên, khi Cục thú y kiểm tra thông tin sản phẩm với nhà đăng ký lưu hành tại Việt Nam và nhận được phản hồi sản phẩm trên không đúng với nhãn sản phẩm công ty đăng ký.

+ 18 thùng, ký hiệu từ L₁ đến L₁₈ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của nhà sản xuất S6 (C6).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím; bị nứt vỡ tại vị trí mặt sau nắp lưng của Phạm Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone 14 Promax, màu vàng nhạt của Trần Thị Y.

- 64 tờ tài liệu khổ giấy A4 thu giữ ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần A6.

- 01 bộ máy vi tính bao gồm: 01 case máy vi tính nhãn hiệu XIGMATEK và 01 màn hình nhãn hiệu Samsung.

Ngày 24/1/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện K có công văn về việc trao đổi đối với Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình liên quan đến việc giám định, khôi phục và trích xuất dữ liệu phần mềm kế toán “MISA” lưu trữ trong máy tính của Công ty A6. Ngày 30/01/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình ra Công văn số 49/PC09 trả lời với nội dung “Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình hiện tại chưa đủ năng lực, điều kiện về phương tiện và thiết bị để thực hiện yêu cầu giám định trên.”

Ngày 18/3/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra Quyết định trưng cầu giám định số 224/QĐ-ĐTTH trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình, trích xuất dữ liệu hình ảnh, tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo đã bị xóa trong 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax thu giữ của Phạm Văn S và Trần Thị Y.

Tại kết luận giám định số 399/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 26/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “Không tìm thấy dữ liệu hình ảnh, tin nhắn SMS, tin nhắn Zalo đã bị xóa trong 02 điện thoại di động gửi giám định.”

- Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím của Phạm Văn S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng nhạt của Trần Thị Y - 64 tờ tài liệu khổ giấy A4 thu giữ ngày 03/8/2023 của Công ty Cổ phần A6 đã được Cơ quan điều tra sao y và lưu hồ sơ vụ án. Đồng thời trả lại cho Công ty A6 các tài liệu trên.

- Chuyển từ kho vật chứng của Công an huyện K đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện K các vật chứng gồm: 32 thùng, ký hiệu từ A₁ đến A₃₂ là sản phẩm S8, Live của nhà sản xuất S6 (B) Biological Pharmaceutical C (C6); 04 thùng ký hiệu từ B₁ đến B₄ là sản phẩm Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6); 04 thùng ký hiệu từ C₁ đến C₄ là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên Cục thú y chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh; 15 thùng ký hiệu từ D₁ đến D₁₅ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của nhà sản xuất S6 (C6).; 10 thùng ký hiệu từ E₁ đến E₁₀ sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China); 01 thùng ký hiệu G là sản phẩm Ceftriaxone Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China); 04 thùng ký hiệu từ H₁ đến H₄ là Sản phẩm Vaccine Diluent của nhà sản xuất S6 (C6); 07 thùng ký hiệu từ I₁ đến I₇ là sản phẩm Benkocid của nhà sản xuất Công ty Cổ phần T37 là thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi đã được Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam; 02 hộp ký hiệu F là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên Cục thú y chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh; 04 thùng ký hiệu từ K₁ đến K₄ là sản phẩm Permasol-500 của nhà sản xuất S6 (K5) là thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam. Tuy nhiên, khi Cục thú y kiểm tra thông tin sản phẩm với nhà đăng ký lưu hành tại Việt Nam và nhận được phản hồi sản phẩm trên không đúng với nhãn sản phẩm công ty đăng ký; 18 thùng, ký hiệu từ L₁ đến L₁₈ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của nhà sản xuất S6 (C6); 01 bộ máy vi tính gồm: 01 case máy vi tính và 01 màn hình nhãn hiệu Samsung có các đặc điểm nêu trên để giải quyết cùng vụ án.

Đối với 01 case máy vi tính nhãn hiệu XIGMATEK đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện K phối hợp với Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh N tiến hành kiểm tra, trích xuất dữ liệu được lưu trữ vào 02 USB niêm phong theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Viện kiểm sát tiến hành rà soát, trích xuất, sao in 244 hoá đơn bán hàng để lưu trữ theo hồ sơ vụ án. Đối với 02 phong bì niêm phong chứa 02 USB có dữ liệu trích từ 01 case máy vi tính nhãn hiệu XIGMATEK được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS, ngày 9/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm i khoản 2 và khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** về tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Văn S** từ 1.100.000.000^d đến 1.200.000.000^d sung ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 190; các điểm n, s khoản 1 và 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo **Trần Thị Y** từ 400.000.000^d đến 500.000.000^d sung ngân sách Nhà nước.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 4 Điều 190 đối với cả hai bị cáo.

- Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 và 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết 236/2026/ UBTVQH14:

+ Tịch thu tiêu hủy 32 thùng, ký hiệu từ A₁ đến A₃₂ là sản phẩm **S8**, Live của **nhà sản xuất S6 (B)** Biological Pharmaceutical Co.,Ltd (**C6**) là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên **Cục thú y** chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh.

+ Tịch thu tiêu hủy 04 thùng ký hiệu từ B₁ đến B₄ là sản phẩm Gosling Plague Antibodies của **nhà sản xuất S6 (C6)**;

+ Tịch thu tiêu hủy 15 thùng ký hiệu từ D₁ đến D₁₅ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin; 18 thùng, ký hiệu từ L₁ đến L₁₈ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của **nhà sản xuất S6 (C6)**.

+ Tịch thu tiêu hủy 10 thùng ký hiệu từ E₁ đến E₁₀ sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của **nhà sản xuất J., L7 (China)**; 01 thùng ký hiệu G là sản phẩm Ceftriaxone Sodium for injection của **nhà sản xuất J., L7 (China)**; 04 thùng ký hiệu từ H₁ đến H₄ là Sản phẩm Vaccine Diluent của **nhà sản xuất S6 (C6)**;

+ Tịch thu tiêu hủy 04 thùng ký hiệu từ C₁ đến C₄; 02 hộp ký hiệu F là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất.

+ Tịch thu tiêu hủy 04 thùng ký hiệu từ K₁ đến K₄ là sản phẩm Permasol-500 của **nhà sản xuất S6 (K5)** là thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam nhưng không đúng với nhãn sản phẩm **công ty Đ6**;

+ Trả lại cho 02 bị cáo 07 thùng ký hiệu từ I₁ đến I₇ là sản phẩm Benkocid của nhà sản xuất **Công ty Cổ phần T37** là thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi đã được Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam;

+ Tịch thu sung ngân sách 01 case máy vi tính và 01 màn hình nhãn hiệu Samsung.

+ Tịch thu từ bị cáo **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** số tiền 588.518.000^d sung ngân sách. Được khấu trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp trước 340.000.000^d theo biên lai số 5795 ngày 18/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K còn phải nộp tiếp số tiền 248.518.000^d (*Hai trăm bốn mươi tám triệu năm trăm mười tám nghìn đồng*).

+ Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến bào chữa, xin Hội đồng xét xử, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất khung Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** khai nhận hành vi mình đã thực hiện như nội dung vụ án tòa án đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; dữ liệu điện tử thu thập được trong quá trình điều tra là sổ bán hàng, sổ nhập hàng, hóa đơn đã bán cho các khách hàng, được lưu trữ trên máy tính đã thu giữ của các bị cáo; sao kê thanh toán trong quá trình mua bán giữa các bị cáo và những người liên quan.

Còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ tại chỗ là 101 thùng Cattong chứa các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được phép lưu hành tại Việt Nam; đã được xác định tại Công văn số 1577/TY-QLT ngày 31/8/2023 của **Cục thú y** thuộc **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, Công văn số 1657/TY-QLT ngày 12/9/2023 **Cục thú y** thuộc **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, Công văn số 240/QLTTNB-TTPC ngày 25/4/2024 **Cục quản lý thị trường tỉnh N**; Kết luận định giá tài sản số 28/KLĐG ngày 12/10/2023 và Kết luận định giá số 11/KLĐG ngày 24/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện K**.

Như vậy căn cứ vào các chứng cứ đã nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** đã dùng các trang mạng xã hội và sử dụng thông tin khách hàng của **Đại lý S7**, **Công ty A6** và **Công ty C7** để tiếp thị, buôn bán 04 loại mặt hàng thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y được xác định chưa được cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam với tổng giá trị là: 606.518.000 đồng; số lượng và giá trị từng loại sản phẩm cụ thể như sau:

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của **nhà sản xuất S6 (C6)**”, có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L500(V); Rút mủ Sinder nắp vắn Gosling 250ml; Rút mủ Sinder nắp vắn loại mới 250ml” với tổng số lượng: 4570 lọ, giá trị: 348.550.000 đồng (gồm 2.880 lọ bán cho **đại lý T39** và 240 lọ cất trữ tại kho hàng với giá trị 75.000 đồng/1 lọ; 1.450 lọ bán cho các cá nhân khác với giá trị 79.000 đồng/1 lọ).

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của **nhà sản xuất S6 (C6)**”, có tên thường gọi là: “Kháng thể rút mủ Sinder L1000” với tổng số lượng: 364 lọ, giá trị: 48.776.000 đồng.

- Sản phẩm: “Duck Riemerella A, I (T, strain RAf63+Type 2, Strain RAf34) của nhà sản xuất S6 (C6)” có tên thường gọi: “Bại huyết WOHUA BIOLOGY liều 1000 lấp Xanh hoặc E.COLI Bại huyết WOHUABIOLOGY liều 1000 nắp xanh” với tổng số lượng: 691 lọ, Giá trị: 78.083.000 đồng.

- Sản phẩm: “Gosling Plague Antibodies của nhà sản xuất Tianjin R - T (China)” có tên thường gọi: Kháng thể Andeno Max R (Rút mủ + Viêm Gan) với tổng số lượng: 785 lọ. Giá trị: 68.295.000 đồng.

- Sản phẩm: “Antibody against D5 1 của nhà sản xuất Titanjin R - Technology Co.,Ltd (China)” có tên thường gọi là “Rút mủ, viêm gan, vòng tròn RINGPU” với tổng số lượng: 722 lọ. Giá trị: 62.814.000 đồng.

Hành vi của Phạm Văn S và Trần Thị Y bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam có tổng giá trị là: 606.518.000 đồng, đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm” thuộc trường hợp “Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

“Điều 190. Tội buôn bán hàng cấm

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

i) Hàng hóa chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng;.....”

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Phạm Văn S và Trần Thị Y theo điểm i khoản 2 Điều 190 BLHS là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của người tiêu dùng, quyền được bảo hộ về sở hữu trí tuệ và kinh doanh đúng đắn của doanh nghiệp, do đó hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng nhằm mục đích thu lợi nhuận vẫn thực hiện, phạm tội với lỗi cố ý.

Trong vụ án này có hai bị cáo tham gia, để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội hai bị cáo có bàn bạc, quá trình thực hiện có thành lập công ty, có thuê người làm và có một thời gian lợi dụng dùng danh nghĩa công ty để bán hàng chưa được phép lưu hành. Tuy nhiên các bị cáo là vợ chồng hợp pháp, việc bàn bạc, thống nhất giữa các bị cáo tính giản đơn; không chuyên biệt bán hàng chưa được phép lưu hành mà phát sinh sau, việc bán hàng công khai dựa trên các nền tảng mạng xã hội, công ty C8, bưu điện, gửi xe khách liên tỉnh, không sử dụng các thủ đoạn tinh vi nhằm che dấu việc mua bán hàng chưa được phép lưu hành. Vì vậy hành vi phạm tội của hai bị cáo không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ do đó không xem xét áp dụng đến tình tiết định khung “Có tổ chức” quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 190 cũng như điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự hiện hành.

[2.1] Đối với bị cáo Phạm Văn S:

Bị cáo Phạm Văn S là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện việc tiếp thị, buôn bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y; ban đầu bị cáo không biết những sản phẩm chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam. Đến ngày 01/3/2023, Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính công ty A6 để bán hàng về hành vi buôn bán thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam cụ thể là sản phẩm thuốc kháng thể rút mỏ vịt nhãn hiệu SINDER loại 250ml/lọ được xác định là cùng loại với 240 (hai trăm bốn mươi) lọ sản phẩm đã thu giữ được; Lúc này bị cáo biết một số sản phẩm buôn bán chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam nhưng vì lợi nhuận bị cáo vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi buôn bán nêu trên với tư cách cá nhân; bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, mức hình phạt cao hơn bị cáo Y.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã cùng bị cáo Y tự nguyện nộp lại số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) là một phần tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tại địa phương bị cáo tích cực tham gia đóng góp vào công tác xã hội là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về loại và mức hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện cũng như các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được hưởng; nhân thân của bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào, phạm tội lần đầu, gia đình có ba con còn nhỏ; phạm tội vì lợi nhuận. Do đó không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích. Khi lượng hình căn cứ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Thị Y:

Bị cáo Trần Thị Y, sau khi được bị cáo S bàn bạc đã nhất trí tham gia việc buôn bán hàng các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y; sau khi thành lập Công ty A6 thì Y chủ yếu điều hành hoạt động của Công ty A6, dùng

thực hiện hành vi buôn bán với **S** đối với các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam; Tuy nhiên sau khi biết một số mặt hàng buôn bán của bị cáo **S** là thuốc thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hoạt động quản lý lợi nhuận trong việc buôn bán do bị cáo **S** bán, tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng hơn cho quá trình bán hàng nêu trên của bị cáo **S** với vai trò là người thực hành trong hoạt động buôn bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam. Bị cáo giữ vai trò thứ hai, mức hình phạt thấp hơn bị cáo **S**.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”; bản thân bị cáo hiện đang có thai là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*người phạm tội là phụ nữ có thai*” quy định tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã cùng bị cáo **S** tự nguyện nộp lại số tiền 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng) là một phần tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; tại địa phương bị cáo tích cực tham gia đóng góp vào công tác xã hội là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về loại và mức hình phạt: bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, gia đình có ba con còn nhỏ, hiện tại đang mang thai; Do đó không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích; bị cáo có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng xử lý bị cáo dưới khung hình phạt. Khi lượng hình căn cứ các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Đối với những đối tượng đã bán các các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam cho hai bị cáo **S** và **Y**; trong quá trình điều tra cả hai bị cáo đều khai mua sản phẩm thuốc thú y bằng hình thức sử dụng tài khoản mạng xã hội facebook của mình có tên “**S Y**” (hiện tài khoản này đã bị xóa) để liên hệ với các tài khoản, các nhóm trên ứng dụng facebook (hiện tài khoản và nhóm không xác định) để tìm và đặt mua thuốc thú y. Quá trình điều tra không xác định được các đối tượng này, do đó không có căn cứ để xử lý các đối tượng đã bán các sản phẩm này.

[4] Đối với anh **Trần Văn T1** là Giám đốc **công ty TNHH C7**: Quá trình điều tra xác định trong vụ án này là người có chuyên môn Trung cấp chăn nuôi thú y được phép chữa bệnh, tiểu phẫu động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y, buôn bán thuốc thú y. Tại các trang trại chăn nuôi đã cùng **S** trực tiếp sử dụng các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam để điều trị bệnh cho vật nuôi; tuy nhiên anh **T1** không biết, không được hai bị cáo cho biết đó là những sản phẩm nêu trên có nguồn gốc, xuất xứ như thế nào. Quá trình kinh doanh đã cùng với **Phạm Văn S** thành lập **công ty C7** tuy nhiên không biết, không được bàn bạc,

hưởng lợi ích gì từ việc buôn bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam của các bị cáo, do đó **Trần Văn T1** không đồng phạm với các bị cáo trong vụ án. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

[5] Đối với ông **Trần Văn T** là cổ đông của **công ty A6** và chị **Trần Thị Kim A** là nhân viên của công ty: Quá trình điều tra xác định ông **T**, chị **Kim A** không biết, không được bàn bạc, hưởng lợi ích gì từ việc buôn bán các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam của các bị cáo, do đó ông **T** và chị **A** không đồng phạm với các bị cáo trong vụ án. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

[6] Đối với bà **Trương Thị T2**, quá trình điều tra xác định trong vụ án này, bà **T2** là người có chuyên môn trong lĩnh vực thú y, quá trình kinh doanh đã mua các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam nêu trên để sử dụng và buôn bán thu lợi nhuận. Ngày 11/12/2023, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện L**, tỉnh Hà Nam ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 114/QĐ-XPHC đối với bà **Trương Thị T2** về hành vi “Sử dụng thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam” và “Buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam có giá trị dưới 200.000.000 đồng”. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà **T2** là đúng quy định.

[7] Về xử phạt vi phạm hành chính đối với **Công ty A6**: Quá trình điều tra xác định được vào tháng 02/2023, **Đội quản lý thị trường số A9** thuộc **Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình** kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh hàng hóa của **Công ty Cổ phần A6**, đã phát hiện, thu giữ 09 lọ thuốc kháng thể rút mô vịt nhãn hiệu SINDER loại 250ml/lọ do nước ngoài sản xuất có tổng trị giá là 900.000 đồng.

Ngày 01/3/2023, Cục trưởng **Cục Quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình** đã ban hành Quyết định số 28000003/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với **Công ty A6** về hành vi “*Buôn bán một số loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam có giá trị dưới 200 triệu đồng*”, hình thức phạt tiền 22.000.000 đồng. **Công ty A6** đã chấp hành xong Quyết định xử phạt hành chính nêu trên.

Căn cứ kết quả điều tra **công an huyện K** đã kiến nghị **Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình** xem xét lại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 28000003/QĐ-XPHC ngày 01/3/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với **Công ty A6** do có dấu hiệu sai về chủ thể vi phạm, bị xử phạt là đảm bảo đúng quy định của pháp luật là phù hợp.

[8] Hai bị cáo **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** tàng trữ 09 lọ thuốc “kháng thể rút mô nhãn hiệu SINDER loại 250ml/lọ” để bán là vi phạm pháp luật hình sự, cần xem xét để đưa số lượng thuốc trên vào cùng hành vi vi phạm đã bị khởi tố. Tuy nhiên hành vi vi phạm trên đã bị phát hiện trước đó và **Cục quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình** đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cộng với số lượng, giá trị ít và việc không đưa vào giải quyết cũng không làm thay đổi căn bản về tội danh,

hình phạt đối với hai bị cáo; Do đó không cần thiết phải đưa số lượng thuốc trên vào cùng hành vi vi phạm để xử lý.

[9] Đối với các mặt hàng sản phẩm thu giữ của **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** vào ngày 03/8/2023 gồm: 32 thùng, ký hiệu từ A₁ đến A₃₂ là sản phẩm **S8**, Live của **nhà sản xuất S6 (B) Biological Pharmaceutical C (C6)**; 15 thùng ký hiệu từ D₁ đến D₁₅ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của **nhà sản xuất S6 (C6)**; 10 thùng ký hiệu từ E₁ đến E₁₀ sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của **nhà sản xuất J., L7 (China)**; 01 thùng ký hiệu G là sản phẩm Ceftriaxone Sodium for injection của **nhà sản xuất J., L7 (China)**; 04 thùng ký hiệu từ H₁ đến H₄ là Sản phẩm Vaccine Diluent của **nhà sản xuất S6 (C6)** được **Cục thú y** thuộc **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** trả lời tại Công văn số Công văn số 1577/TY-QLT ngày 31/8/2023 và Công văn số 1657/TY-QLT ngày 12/9/2023 là các loại thuốc, vắc xin, chế phẩm sinh học dùng trong thú y chưa được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam Quá trình điều tra thể hiện **S** và **Y** tàng trữ các sản phẩm này để sử dụng cho các trang trại của gia đình mình. Đồng thời do mua hàng trôi nổi trên mạng nên cả hai không cung cấp được thông tin người bán; hoá đơn, chứng từ và giá thành sản phẩm, không có đủ căn cứ để tiến hành định giá tài sản; qua điều tra không có căn cứ xác định hai bị cáo buôn bán, kinh doanh các mặt hàng này. Do đó không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **S** và **Y** về tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại Điều 190 Bộ luật hình sự hoặc tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại Điều 191 Bộ luật hình sự đối với các sản phẩm nêu trên.

[10] Trong quá trình điều tra **Công an huyện K** phát hiện tình trạng phát hành, mua bán hóa đơn bất hợp pháp gây thất thu thuế đặc biệt là trong việc quản lý hoá đơn GTGT; Vì vậy đã ban hành kiến nghị **Chi cục thuế khu vực K – Y; Chi cục thuế Q5, thành phố Hồ Chí Minh; Chi cục thuế Q6, thành phố Hồ Chí Minh; Chi cục thuế Q7, thành phố Hồ Chí Minh; Chi cục thuế Quận C, thành phố Hà Nội** cần nâng cao công tác phòng ngừa, tăng cường công tác rà soát, kiểm tra, phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro về quản lý, sử dụng hóa đơn từ đó ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng phát hành, mua bán hóa đơn bất hợp pháp chống thất thu thuế đặc biệt là trong việc quản lý hoá đơn GTGT, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước từ đó kịp thời phát hiện hành vi vi phạm pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[11] Trong quá trình điều tra **Công an huyện K** phát hiện tình trạng kinh doanh, cấp phát và sử dụng thuốc thú y trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chưa hặt chẽ; đã ban hành kiến nghị **Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình** tăng cường công tác kiểm tra, quản lý trong hoạt động kinh doanh, cấp phát và sử dụng thuốc thú y trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, nâng cao hiệu quả công tác quản lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[12] Đối với các cá nhân mua sản phẩm của hai bị cáo gồm: **Nguyễn Minh H; Nguyễn Minh V; Nguyễn Văn T3; Nguyễn Anh M; Lê Hoàng Như P; Châu Công S2; Nguyễn Đức T4; Đào Văn T5; Nguyễn Phúc H1; Nguyễn Hữu H2; Trần Thành T6; Nguyễn Ngọc T7; Lê Thị T8; Nguyễn Thị V1; Lê Ngọc S3; Ngô Văn L; Vũ Như S4; Vũ Trường S5; Phạm Thanh C; Hà Văn Q1; Hồ Ngọc X; Nguyễn Văn H3; Nguyễn Thị K; Đỗ Thị Tố L1; Vũ Thị N1** nhưng đã sử dụng hết các sản phẩm;

không biết các sản phẩm mua là hàng hoá chưa được phép lưu hành tại Việt Nam; không đủ căn cứ để xử lý hình sự, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

[13] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím của **Phạm Văn S** và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng nhạt của **Trần Thị Y** là tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện K** đã trả lại cho cả hai. S và Y đã nhận lại tài sản và không có ý kiến, đề nghị gì. Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 64 tờ tài liệu khổ giấy A4 thu giữ ngày 03/8/2023 của **Công ty Cổ phần A6** đã được Cơ quan điều tra sao y và lưu hồ sơ vụ án. Đồng thời trả lại cho **Công ty A6** các tài liệu trên. Hội đồng xét xử không xét.

Đối với 32 thùng, ký hiệu từ A₁ đến A₃₂ là sản phẩm **S8**, Live của **nhà sản xuất S6 (B)** Biological Pharmaceutical Co.,Ltd (**C6**) là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên **Cục thú y** chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh; đã hết hạn sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 04 thùng ký hiệu từ B₁ đến B₄ là sản phẩm Gosling Plague Antibodies của **nhà sản xuất S6** (China); chưa được phép lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 15 thùng ký hiệu từ D₁ đến D₁₅ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin; 18 thùng, ký hiệu từ L₁ đến L₁₈ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của **nhà sản xuất S6 (C6)** chưa được phép lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 10 thùng ký hiệu từ E₁ đến E₁₀ sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của **nhà sản xuất J., L7** (China); 01 thùng ký hiệu G là sản phẩm Ceftriaxone Sodium for injection của **nhà sản xuất J., L7** (China); 04 thùng ký hiệu từ H₁ đến H₄ là Sản phẩm Vaccine Diluent của **nhà sản xuất S6** (China); chưa được phép lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 04 thùng ký hiệu từ C₁ đến C₄; 02 hộp ký hiệu F là sản phẩm không có đủ thông tin về xuất xứ, nhà sản xuất nên **Cục thú y** chưa có cơ sở để kiểm tra xác minh; chưa được phép lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 04 thùng ký hiệu từ K₁ đến K₄ là sản phẩm Permasol-500 của **nhà sản xuất S6 (K5)** là thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam. Tuy nhiên, khi **Cục thú y** kiểm tra thông tin sản phẩm với nhà đăng ký lưu hành tại Việt Nam và nhận được phản hồi sản phẩm trên không đúng với nhãn sản phẩm công ty đăng ký, chưa được phép lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 07 thùng ký hiệu từ I₁ đến I₇ là sản phẩm Benkocid của nhà sản xuất **Công ty Cổ phần T37** là thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi đã được Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam; còn thời hạn sử dụng cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 bộ máy vi tính gồm: 01 case máy vi tính và 01 màn hình nhãn hiệu Samsung là phương tiện dùng vào việc buôn bán hàng cấm cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 02 phong bì niêm phong chứa 02 USB có dữ liệu trích từ 01 case máy vi tính nhãn hiệu XIGMATEK nay tiếp tục quản lý theo hồ sơ.

[14] Về biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra xác định giá trị thuốc thú y chưa được phép lưu hành các bị cáo đã bán là 606.518.000^d; Trong đó có 240 lọ Sinder L500V được thu giữ ngày 03/08/2023 có giá trị là 18.000.000^d; thực tế chỉ còn bán 588.518.000^d là số tiền các bị cáo đã bán các sản phẩm chưa được phép lưu hành tại Việt Nam; đây là tiền dùng vào việc thực hiện phạm tội, do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách nhà nước (sau khi khấu trừ vào số tiền các bị cáo tự nguyện nộp trước khắc phục là 340.000.000^d ngày 18/09/2024, còn buộc các bị cáo nộp lại số tiền 588.518.000^d sung ngân sách nhà nước).

[15] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 106, 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điểm i khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Phạm Văn S**.

- Áp dụng: Điểm i khoản 2 Điều 190; các điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Trần Thị Y**.

Căn cứ: Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y**, phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo **Phạm Văn S** 1.100.000.000^d (Một tỷ một trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo **Trần Thị Y** 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu từ bị cáo **Phạm Văn S** và **Trần Thị Y** số tiền 588.518.000^d sung ngân sách. Được khấu trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp trước 340.000.000^d theo biên lai số 5795 ngày 18/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K còn phải nộp tiếp số tiền 248.518.000^d (Hai trăm bốn mươi tám triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

+ 32 (Ba mươi hai) thùng, ký hiệu từ A₁ đến A₃₂ là sản phẩm **S8**, Live của **nhà sản xuất S6 (B) Biological Pharmaceutical C (C6)**;

+ 04 (Bốn) thùng ký hiệu từ B₁ đến B₄ là sản phẩm Gosling Plague

Antibodies của nhà sản xuất S6 (C6);

+ 04 (Bốn) thùng ký hiệu từ C₁ đến C₄.

+ 15 (Mười lăm) thùng ký hiệu từ D₁ đến D₁₅ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của nhà sản xuất S6 (C6).

+ 10 (Mười) thùng ký hiệu từ E₁ đến E₁₀ sản phẩm Cetiofur Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China).

+ 01 (Một) thùng ký hiệu G là sản phẩm Ceftriaxone Sodium for injection của nhà sản xuất J., L7 (China).

+ 04 (Bốn) thùng ký hiệu từ H₁ đến H₄ là Sản phẩm Vaccine Diluent của nhà sản xuất S6 (C6).

+ 02 (Hai) hộp ký hiệu F + 04 (Bốn) thùng ký hiệu từ K₁ đến K₄ là sản phẩm Permasol-500 của nhà sản xuất S6 (K5).

+ 18 (Mười tám) thùng, ký hiệu từ L₁ đến L₁₈ là sản phẩm Dung môi pha vắc xin của nhà sản xuất S6 (C6).

- Trả lại cho các bị cáo: 07 (B) thùng ký hiệu từ I₁ đến I₇ là sản phẩm Benkocid của nhà sản xuất Công ty Cổ phần T37 là thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi đã được Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) bộ máy vi tính (đã qua sử dụng) bao gồm: 01 (một) case máy vi tính nhãn hiệu XIGMATEK; model: 3560M Gaming HĐ; 01 (một) màn hình nhãn hiệu Samsung, model: S27R 350FH, Số S: CWBVH4UTB00404P.

- Tiếp tục quản lý theo hồ sơ đối với 02 phong bì niêm phong chứa 02 USB có dữ liệu trích từ 01 case máy vi tính nhãn hiệu XIGMATEK.

(Chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao vật chứng giữa công an huyện K và Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 16 /8 /2024)

4. Án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu HS&VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

